

CHƯƠNG II (Phần 5)

Lễ hội

- *Lễ hội cầu ngư*

Lễ hội Cầu ngư là một sinh hoạt văn hóa thường niên rất trang trọng của cộng đồng ngư dân làm nghề biển duyên hải Nam Trung bộ nói chung và ở Đà Nẵng nói riêng, với nhiều hoạt động mang đậm sắc thái văn hóa truyền thống của cư dân vùng biển, bà con vạn chài ở Đà Nẵng nhiều nơi còn giữ được lễ hội này như cư dân vùng Xuân Hà, Thanh Lộc Đán (quận Thanh Khê), Vùng Mân Thái phường Thọ Quang (quận Sơn Trà), Vùng Hòa Hải, (quận Ngũ Hành Sơn), Hòa Hiệp (quận Liên Chiểu),... Với ngư dân miền biển, tính chất của lễ hội cầu ngư là lễ hội cầu mùa, xuất phát từ niềm tin của ngư dân về sự phù trợ của ngư thần (ngư Ông – cá voi). Cá voi là loài động vật có vú sống ở biển có quan hệ mật thiết với người làm nghề biển nên được người dân đi biển suy tôn, thiêng hóa thành phúc thần. Lễ Cầu mùa – Cầu ngư là lễ tế ngư thần và cầu xin thần ban cho được mùa đánh bắt hải sản và an toàn cho dân vạn chài. Chuyện cá Ông (cá voi) cứu người, nhất là bà con ngư dân không phải là chuyện xưa nay hiếm. Có điều đến bây giờ các nhà khoa học vẫn chưa tìm ra được cách giải thích về sự gắn bó của cá Ông với những người hành

nghe trên biển. Xin kể lại câu chuyện có thật về cá Ông cứu người dân Đà Nẵng đi biển. (Nhà báo Lê Văn Hoa đã phản ảnh trên báo Quảng Nam – Đà Nẵng ngày 23 tháng 04 năm 1995).

“Ngày 29/2/1995 Âm lịch chiếc tàu mang biển số QĐ 1083 chở mười bốn ngư dân tổ 43, 44 Tân Chánh phường Xuân Hà – quận Thanh Khê – thành phố Đà Nẵng (chủ tàu ông Hồ Văn Đồi - ảnh) rời Qui Nhơn ra biển Đông câu mực. Sau vài ngày tàu bị mắc cạn, mọi người phải bỏ tàu đi bằng thúng, lênh đênh hai ngày đêm trên biển, lương thực trên thúng cạn kiệt. Cái chết đang cận kề thì bất ngờ có ba cá Ông (mỗi cá Ông ước dài khoảng 7-8m) nổi lên đẩy thúng đi nhẹ nhàng... Sau một thời gian, gặp chiếc thuyền của huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi. Cá ông từ từ đẩy các thúng vào gần thuyền. Sau khi mọi người lên thuyền, ba cá Ông phóng mình nhảy lên khỏi mặt nước... cá chia tay. Mọi người quá xúc động, vui buồn lẫn lộn”.

14 người sống nhờ cá voi cứu giúp

TRƯỚC mắt chúng tôi là 14 ngư dân của tổ 43, 44 Tân Chánh, phường Xuân Hà (Đà Nẵng) - những người vừa thoát khỏi bàn tay tử thần ở vùng biển khơi trở về. Chuyện họ được cứu sống giống như những câu chuyện cổ tích ta đọc thưở cấp sách đến trường.

Ngày 29-2-1995 âm lịch, chiếc tàu mang biển số QĐ 1083 rời Quy Nhơn ra Biển Đông theo hướng 80° kinh đông. 17 giờ chiều ngày hôm sau, tàu đến ngư trường câu mực. Qua một đêm đánh bắt, vì số mực được quá ít, tàu tiếp tục ra khơi theo hướng 60° kinh đông khoảng một ngày nửa để hành nghề. 12 người xuống 12 chiếc thúng chài tỏa ra chung quanh câu mực, trên tàu chỉ còn lại chủ



Chủ tàu Hồ Văn Đồi.

tàu Hồ Văn Đồi và anh Luận. Đến khoảng 21 giờ 30 đêm hôm đó, vì trời quá tối, họ không phát hiện ra đảo san hô ngầm (Xem tiếp trang 2)
LÊ VĂN HOA



Tàu QĐ 1083.

Một bài báo ghi lại niềm tin cá voi (Ông) cứu giúp người mắc nạn trên biển

Người dân vùng biển Đà Nẵng quan niệm rằng, Ngư Ông không chỉ là vị thần biển – ân nhân của người đi biển mà còn là vị thần liên quan đến sự hưng thịnh của cộng đồng làng biển. Đó là Thành hoàng của làng vạn chài. Họ tin rằng có hai vị thần ngư một thần sống, gọi là Ông Sanh với danh thần Đông Hải Ngọc Lân một thần đã hóa thiêng (chết) gọi là Ông Tử với danh thần Nam Hải Ngọc Lân. Ông Sanh là thần hộ mạng của người đi biển; Ông Tử là phúc thần bảo trợ cho cuộc sống vạn chài. Dân biển gọi cá voi bằng những cách tôn kính như Đức Ngư Ông, Đức Linh Ông, Ngài, song thông dụng nhất là Ông. Nơi thờ tự cá Ông gọi là Lăng Ông. Ở Đà Nẵng các vạn chài đều có Lăng Ông. Lăng Ông vừa là

nơi trú sở của thần Ngư, vừa là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, trong đó có lễ hội Cầu mùa – Cầu ngư. Lễ hội Cầu mùa - Cầu ngư thường được diễn ra trong hai ba ngày, ngày đầu thiết lễ tiên thường, ngày sau là lễ tế chính thức. Mở đầu, ban nghi lễ và đông đảo bà con ngư dân thành kính bày trên bàn thờ chính nhiều lễ vật, hương, đèn... và tiến hành Lễ Nghinh Ông (đón cá Ông, cá voi), cầu an. Trong khi đó, nhiều tàu thuyền đánh cá được trang trí đèn, hoa tiến hành rước trên biển. Tại các lễ này, Ban nghi lễ chọn ra một người cao tuổi, có uy tín với bạn chài, gia đình không mắc tang chế để làm chánh lễ. Vị chánh lễ sẽ bái dâng đồ tế lễ (không được dùng hải sản) và đọc văn tế nói lên lòng biết ơn của dân làng vạn chài đối với công đức của Ông và cầu mong mùa đánh bắt bội thu, thuyền bè đi khơi về lộng an toàn; bày tỏ lòng thành kính, tưởng nhớ các bậc tiền nhân quá cố và cầu cho Quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, cầu một mùa đánh bắt thắng lợi, đời sống ngư dân ấm no hạnh phúc. Bài văn cúng ở phường Mân Thái, có đoạn:

Nói lời:

...Như chúng dân đây,

Miền duyên hải ra khơi vào lộng,

*Chỉ những mong tìm kẻ sinh nhai,
Ngài trắn nơi biển rộng gành dài,
Người ngộ biển ra tay cứu độ.*

Hát nam:

*Cứu độ khỏi vòng hoạn nạn,
Công ơn này đoàn vạn nào quên
Nay vạn dân hội kỳ chư thân
Tạm cheo quế chèo hầu tế lễ
Cốt mười cầu ngư nghệ niên phong...*

Song song phần lễ, phần hội trong dịp này cũng được tổ chức khá sôi nổi, vui tươi, lành mạnh với các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao mang đậm sắc thái của ngư dân vùng biển như: thi đan lưới, thi làm gỏi cá, ngoáy thúng, hô bài chòi; các môn thể thao: bóng đá bãi biển, kéo co, đẩy gậy với sự tham gia của các phường chài ... Riêng các tiết mục văn nghệ tại lễ hội, ngoài hát tuồng, hát hò khoan, còn có một hình thức múa hát đặc trưng của Lễ hội Cầu ngư là múa hát bả trạo (còn gọi là chèo bả trạo) diễn tả tinh thần đoàn kết giữa các thành viên trong một con thuyền, vượt qua sóng to gió cả, mang về một mùa bội thu... Ngay sau lễ hội Cầu Ngư diễn ra, chừng năm bảy bữa sau, hàng trăm tàu thuyền của ngư dân thành phố Đà Nẵng đã xuất hành ra khơi để “hái lộc biển đầu năm”. Lễ hội Cầu ngư của ngư dân Đà Nẵng hiện đã trở thành nét văn hóa truyền thống

và tâm linh của bà con đi biển, đồng thời là hoạt động thành thông lệ được tổ chức vào tháng Giêng âm lịch hàng năm tại bãi biển đường Nguyễn Tất Thành thành phố Đà Nẵng. Theo các nhà nghiên cứu văn hóa thì, lễ hội Cầu ngư là một trong những lễ hội lớn nhất của ngư dân Đà Nẵng nhằm giới thiệu lễ hội Cầu ngư của cư dân vùng biển Đà Nẵng ứng xử với Ngư thần và với biển cả. Khảo sát còn nhằm mục đích là tìm hiểu loại hình văn hóa dân gian phi vật thể, nhận diện những giá trị đặc trưng cơ bản nhất của vốn văn hóa dân gian vùng biển này trong hát bả trạo trong lễ Cầu ngư.

Bên cạnh hát bả trạo trong lễ hội cầu ngư có hò đưa linh khi cá Ông lụy được ngư dân chôn cất. Do quan niệm cá Ông là ngư thần nên khi cá Ông lụy phải có lễ tiễn đưa về chôn Non Bồng (Bồng Lai). Trong lễ tiễn đưa, người ta dùng “bả trạo” để hò đưa linh. Bả trạo được trình bày dưới dạng hoạt cảnh (hát múa nhạc).

Lão ngư Nguyễn Văn Kinh sinh năm 1934 ở tổ 3 khu dân cư Xuân Trung, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê từng là cậu bé theo cha mẹ đi biển lần đầu. Nay đã 70 năm sống với biển, khi được nhà nghiên cứu Vũ Hà hỏi chuyện, ông đã lật lại từng trang ký ức từ cách chọn gió nồm nam để ra khơi đến chuyện vì sao có tập tục làm lễ Cầu Ngư trước khi xuất biển... Ngày xưa – theo cách nói của những lão ngư vùng Thanh Khê, Hà Khê cũ, nay là Thanh Khê Đông, Thanh Khê Tây – là thời điểm tính

từ năm Quý Ty (cách đây gần 120 năm) năm gây dẫu ần tang thương mà người đi biển. Hồi cổ các cụ kể lại rằng có hơn 500 người vùng Thanh – Hà Khê này đã bỏ xác ở đáy sâu đại dương trong một chuyến ra khơi định mệnh. Bão tố hung hãn đã nhấn chìm tất cả, không một người được tìm thấy xác. Ông Kinh nhớ lại, theo cha tôi kể lúc ấy cả vùng Thanh Khê, Hà Khê khăn tang bịt trắng xoá. Biển cả đã lấy hết sức lực của cả một làng chài. Như một qui luật sinh tồn, cuộc sống của ngư dân gắn liền với biển, làng chài phải gượng đứng lên làm lại từ đầu.

Ngày trước một qui luật bất di bất dịch, ngư dân phải chờ có gió nồm Nam mới được ra khơi. Lúc đó thuyền đi biển là loại thuyền nẹp, chưa có chốt đóng (vì bằng tre). Mỗi thuyền có một người cầm lái và chèo 3 cây, mỗi người 1 chèo và thuyền nào cũng thường mang theo một đứa trẻ¹. Cá đánh bắt bằng thủ công, không có một dụng cụ hỗ trợ nào. Qua gió rầm tháng giêng, ngư dân bắt đầu đẩy thuyền xuống nước, lương thực mang theo gồm 50 kg gạo, 6 kiệu nước (khoảng 1 tấn) và 300 kg muối. Thông thường người đi biển xuất bến lúc 18 giờ và 12 giờ trưa hôm sau đã dắm dây dầm thuyền bằng một hòn đá nặng, dụng cụ đi kèm là một máng dây dừa

¹ Có thể theo hình thức hiến một đồng nam cho thần biển khi ghe thuyền gặp nạn trên biển. Làng Mộ Đức, Đức Phổ xưa kia có tục lệ cúng một đồng nam cho cạp và một đồng nữ cho thần biển (cá mập). Nay không còn (theo NS Trần Hồng).

dài 30 sải và một bè tre 7 ống (mỗi ống tre dài 1 thước tây) để ngay trước mũi thuyền. Một năm chỉ đánh bắt từ rằm tháng riêng đến tháng 4 - 5 âm lịch, mỗi chuyến đi từ 7 - 15 ngày, tùy theo cá nhiều hay ít, chủ yếu là cá chuồn. Những tháng còn lại ngư dân sống bằng bán cá chuồn muối. Câu ca dao:

*Cá chuồn nhiều nhứt Thanh Khê
Tân Lưu quê bạn cũng nghề biển Đông*

hoặc:

*Ai về nhẩn với bạn nguồn.
Mít non gởi xuống, cá chuồn gởi lên*

bắt nguồn khi cá chuồn chiếm “thế thượng phong” trong đánh bắt cá thời ấy. Ông Kính hồi tưởng: “1964 bắt đầu có máy nổ hiệu Ròng Vàng, Diệp Ninh, Bắc Thái. Sau đó thương gia nhập máy nổ Beach 20 của Đan Mạch, Nhật, Ấn Độ,...phương tiện đánh bắt cá đã ngày càng tân tiến. Cũng từ năm quý tỵ tang thương ấy, vào ngày 25 tháng giêng âm lịch hằng năm ngư dân bắt đầu có tập tục làm lễ Cầu Ngư trước khi ra biển đầu năm.

Tuy thế, theo cụ Trần Văn Lự (80 tuổi) Trưởng ban Khánh tiết đình làng Nam Thọ, Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, kể: Lễ hội Cầu ngư và hát bả trạo vốn là truyền thống suốt 500 năm nay của ngư dân phường nhà. Ký ức đẹp nhất về tuổi thơ của cụ là những buổi chiều vàng nắng hay những đêm trăng mênh mang, vắng vạc, cụ và bạn bè cùng lứa lại háo hức tập trung trên bãi cát

để ngắm nhìn và lắng nghe các bậc cao niên tập hát, múa bả trạo cho những ngư dân trẻ có chất giọng đặc biệt, được tuyển chọn kỹ lưỡng. Vì thế hát bả trạo trong lễ hội Cầu Ngư trở thành niềm vinh dự không chỉ cá nhân được lựa chọn mà cả gia đình, dòng họ, là niềm mơ ước, ngưỡng vọng của hầu hết trẻ em trong vùng ngày ấy.

Lễ hội Cầu Ngư là lễ hội lớn nhất của ngư dân Đà Nẵng, thờ phụng cá Ông không chỉ là sự tôn kính thần linh mà còn gắn liền với sự hưng thịnh của cả làng cá. Đây là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng – văn hoá cộng đồng đặc trưng của ngư dân ven biển, hàm chứa các giá trị văn hoá - nhân văn. Lễ hội Cầu ngư còn là dịp để những đặc sản văn nghệ dân gian Đà Nẵng được phô diễn, qua đó mà được bảo lưu khẳng định thêm giá trị. Lễ hội cũng là một phương thức để điều tiết đời sống tâm lý cộng đồng ven biển. Tham gia lễ hội, người dân biển được thư giãn, cân bằng đời sống tinh thần sau một năm đánh bắt vất vả. Mặt nữa, đó còn là dịp để củng cố tinh thần đoàn kết cộng đồng làng vạ chài, giữ gìn và củng cố một phong tục tốt đẹp của cộng đồng ngư dân biển Đà Nẵng – tục kết nghĩa vạ chài. Theo đó, lễ hội Cầu Ngư của làng vạ biển nào thì các làng biển xung quanh cũng được mời đến dự lễ. Những làng được mời là những làng kết nghĩa với làng có lễ hội. Đại diện làng đó có Ban khánh tiết mà dẫn đầu là vị Chánh tế cùng Hội chủ vạ sẽ mang lễ vật đến cúng Ông và được lay

“thiếu phước”² (người dân quì lạy cầu xin Ông ban phước mọn cho mình) ngư thần của làng mở hội. Qua tổ chức và sinh hoạt lễ hội, tâm thức, lối sống của người dân vùng biển thể hiện rõ nét. Đặc biệt là ý thức thừa kế di sản văn hoá của tiền nhân.

Lễ hội cầu ngư là nét đặc trưng của cộng đồng cư dân biển Đà Nẵng nói riêng và của cư dân duyên hải miền Trung đến Nam bộ nói chung đang trong quá trình biến đổi mạnh mẽ các thành tố lễ hội. Mặc dầu cùng với việc mở rộng đô thị, làm mới cảnh quan ven biển là sự háo hức chuẩn bị cho các hoạt động văn hoá đương đại, nhằm thu hút khách du lịch, kêu gọi đầu tư diễn ra trong những năm gần đây của thành phố, đã khiến cho hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng truyền thống của cư dân ven biển biến đổi và có nơi đã hoàn toàn biến mất. Chỉ những ngư dân nào còn lấy biển làm mưu kế sinh tồn, thì chừng đó vẫn còn lễ cầu ngư.

Đà Nẵng hôm nay đang thay đổi diện mạo. Nhiều con đường mới mọc lên, nhiều đường phố cũ được mở rộng. Những cây cầu bắc qua sông Hàn đã làm xong trở thành biểu tượng của Đà Nẵng. Bên cạnh những cây cầu bắc qua sông Hàn là những con đường trải nhựa ven biển, những khu dân cư mới, khu công nghiệp, khách sạn, nhà hàng...mọc lên trên chính địa bàn mà trước đó

² *Thiếu phước*: xin thần Ngư cho ít phước lộc để làm ăn sinh sống và mong được an bình trên biển.

là nơi tụ cư của các thế hệ cư dân làng biển cùng với những phong tục, lễ hội của nghề biển. Trước kia dọc theo các làng ven biển Đà Nẵng là những lãng Ông cổ kính, một biểu hiện văn hoá truyền thống đặc trưng của Đà Nẵng. Những sinh hoạt văn hoá – tín ngưỡng hướng đến thần Nam Hải, Đông Hải đều lấy lãng Ông làm trung tâm.

Ngày nay thì trên những bãi biển sạch, đẹp, rộng những ngôi lãng vẫn còn đó, bởi vẫn còn biển, vẫn còn một bộ phận làm ăn từ biển. Không gian cư trú của người và thần mặc dầu có thay đổi, nhiều làng biển đã lùi vào cách bờ khá xa. Khoảng cách từ nhà đến ghe thuyền cũng vậy. Còn các cơ sở thờ phụng của làng vạn mà tiêu biểu là lãng Ông thì được xây lại mới bằng vật liệu hiện đại, lọt thỏm, phần lớn là nằm sâu trong khu dân cư. Không gian thờ phụng biến đổi gây khó cho những hoạt động văn hoá truyền thống của cộng đồng. Lễ hội Cầu Ngư của nhiều làng biển Đà Nẵng theo đó lần lần biến đổi và không chừng dẫn đến phai nhạt tín ngưỡng Ngư thần trong cộng đồng, mất đi tín ngưỡng đặc sắc của ngư dân miền biển.

Thực tế cho thấy, lễ hội của cư dân biển Đà Nẵng mang tính chất hội làng. Nó không qui mô như những lễ hội tôn giáo hoặc lễ hội ở vùng Bắc Bộ, song nó có chiều sâu và sự thống nhất để tạo nên *một vùng lễ hội – tín ngưỡng cá voi*. Điều đáng trân trọng ở đây là các lễ hội

của làng biển không xa hoa, cuồng tín. Lễ và hội thể hiện đạo lý ân nghĩa của dân tộc, tinh thần gắn kết cộng đồng; tư tưởng phóng khoáng, cởi mở, dám hiến thân vì cuộc sống hiện hữu của cộng đồng dân biển.

Việc ứng xử với những cô hồn phận bạc

Thuở xưa, quan niệm của ngư dân vùng sông nước, biển giã và không chỉ là sông nước mà cả người nông dân khi gặp người đang đuối nước / uống nước sông, suối, ao, hồ mặc dầu họ rất cảm thương nhưng lại không ra tay cứu giúp. Bởi niềm tin được củng cố mạnh mẽ rằng cần phải tránh xa để không gặp phải rủi ro trong cuộc sống. Họ ra tay vớt người khi người uống/ đuối nước đã chết. Điều này do quan niệm rằng thần nước đòi người ấy, xem như người ấy được thần sông nước, tức thủy thần dẫn theo phục vụ, hoặc sung quân. Nếu cứu người chết đuối, chắc chắn người cứu sẽ phải thế mạng. Quan niệm như thế xuất phát từ nỗi sợ hãi để giữ lấy niềm tin cho ngư dân đi biển. Theo đó, họ không cứu vớt hoặc không tổ chức vớt vào đất liền chôn cất bởi sợ liên lụy đến việc không phải của họ và như thế sẽ gặp chuyện không may. Đó cũng là thuyết ma thuật mà ngư dân miền biển tìm cách tránh xa sự liên lụy để tìm sự bình an.

Ngày nay, quan niệm cứu người đuối nước đã được cấu trúc lại. Khi đi biển, hoặc đang đi trên sông vào lộng, ra khơi đánh bắt cá, nếu gặp phải xác chết trôi nổi trên

biển, họ ứng xử theo cách: dùng vật thể có thể nổi trên mặt nước quấn lại, rải vào thi thể nạn nhân một nắm gạo, muối; đồng thời cột vào thi thể một cây cò (gọi cò chứ thật ra đây là một miếng vải màu sắc thể nào cũng được để đánh dấu cho dễ nhận ra) và họ van vái xin được bình an trên biển rồi tiếp tục ra khơi. Đến lượt vào bờ, gắp lại xác chết, người chủ tàu cho tàu đến vớt xác mang vào đất liền chôn cất như chôn cất người thân, tổ chức thờ tự tại nhà mình. Hoặc bất kỳ một tàu đánh bắt cá nào khi tôm cá đã đầy, đang dần vào bờ, nhìn thấy dấu lá cò là tín hiệu được đánh dấu, hay bất kỳ người chết nào không có dấu hiệu đánh dấu trôi nổi trên biển, đều liền được chủ tàu cho vớt lên mang vô đất liền chôn cất. Họ chôn tại cồn Đước, phường Thọ Quang.

Hoặc gặp người chết trên biển, dù toàn thây hay không, chủ tàu đưa người đó về đến gia đình họ để được chôn cất nếu còn nhận diện được và biết được danh tính thông báo cho gia đình họ biết lo mai táng. Trường hợp chỉ còn cái chân, cái tay, họ vớt vào bờ chôn nơi cồn Đước. Vấn đề là giải tỏa nỗi sợ hãi ở ngư dân khi bắt gặp hiện tượng người chết trên biển. Sự giải tỏa mong tìm được sự giúp đỡ và sự bình an mỗi khi ra khơi làm ăn sinh sống. Điều này thể hiện tinh thần nhân đạo, hơn thế, ngư dân quan niệm rằng nếu không vớt xác trôi trên biển thì không thể đánh bắt cá được, nghĩa là có nhiều điều rủi ro khi ra khơi đánh cá. Các *cô bác* ấy sẽ không

giúp cho. Mặc dầu việc vớt xác chết về chôn cất tử tế, thờ tự như người thân, đằng sau việc làm nhân đạo đó là sự giải tỏa vấn đề tâm linh chung quanh nỗi sợ hãi để tìm lấy niềm tin lạc quan của ngư dân đi biển trước những hiện tượng khách quan gặp phải. Phía sau nghĩa cử cứu vớt đó đâu có hề hấn gì đến bản thân và gia đình đi nữa, ngư dân không đoán trước được, nhưng việc vớt xác chôn cất vẫn phải làm theo tinh thần đồng loại. Đó là tinh thần nhân văn cao cả. Và theo năm tháng đời người ngư dân tổ chức các nghi lễ cầu được an bình, tự tin thiết lập nơi họ niềm tin bình an trên biển già, tin rằng những rủi ro không đến với họ, kìm chế những dao động thường thấy của ngư dân trước lực lượng thiên nhiên luôn áp đảo tâm lý họ. Về khía cạnh niềm tin, ngư dân miền biển Đà Nẵng muốn tìm sự giải tỏa nỗi sợ hãi gặp phải trên biển, thể hiện bằng việc lập miếu thờ những oan hồn uổng tử mà ngư dân gọi một cách kính trọng là Cô Bác, ven theo bờ biển có lăng / miếu cô hồn ở Nam Ô, ở Thanh Khê (tại khe Đò), ở Thọ Quang, ở Mân Thái,...

Khi đi biển mà gặp người đuối nước, ngư dân sẵn sàng ra tay cứu giúp, đằng sau việc cứu sống một người có bị thủy thần quở phạt hay không thì chưa rõ, nhưng việc cứu một mạng người là điều phải làm trên tinh thần nhân đạo với con người, thiết lập niềm tin trong nghề nghiệp, hạn chế dao động trước các cô hồn. Bởi ngư dân miền

biển Đà Nẵng tin rằng: *Cứu một mạng người hơn lập mười cảnh chùa.* [3]

- Lễ hội đình làng miền biển
+ Lễ hội đình làng An Hải



Bức bình phong đình làng An Hải xưa (Ảnh tư liệu)

Cùng với lễ hội cầu ngư, ngư dân miền biển Đà Nẵng còn tổ chức lễ hội đình làng. Đình làng mang yếu tố nông nghiệp, bởi các xóm vạ, làng chài miền biển không chỉ lấy môi trường biển làm mưu kế sinh tồn mà

³ Tư liệu điền dã do ông Huỳnh Văn Thái, 54 tuổi ở tại Tổ 19, khu dân cư Tân Bình 2, phường Mân Thái, quận Sơn Trà cung cấp chiều ngày 22/12/2017. Và ngư dân Đỗ Thị Đợi, 78 tuổi, phường Nại Hiên Đông sáng ngày 29/12/2017.

bên cạnh họ còn có nghề nông và nghề đôn củi, đốt than. Khi ngư dân hình thành nên đình làng chài thì hẳn có thờ vị Thành hoàng làng và phối thờ các vị thần thánh khác. Mục đích là cầu cho làng được an lạc, đời sống người dân trong làng ấm no, bình an trước giông gió cuộc đời. Từ đó hằng năm các làng đặt ra lễ thờ cúng và lập đình thờ vọng thường xuyên. Lễ hội cầu ngư là sự tiếp biến tín ngưỡng người tiền trú, cho rằng cá Ông cứu nạn trên biển khi ngư dân gặp nạn.

Các làng ven biển đều có lễ hội đình làng: Liên Chiểu, Hòa Hiệp, Thanh Khê, An Hải, Hải Châu,...hằng năm mỗi làng tùy theo điều kiện của làng, chọn một ngày *cát nhật* nào đó làm lễ cầu an. Trong số các làng ven biển có thể kể làng An Hải, hằng năm tổ chức định kỳ vào hai ngày mùng mười và mười một tháng ba hằng năm. Trước 1975, do điều kiện đất nước chưa có hòa bình nên lễ hội thường gián đoạn. Mới đây, năm 2000, sau khi trùng tu di tích đình làng tại phường An Hải Tây, người dân lại tiếp tục tổ chức lễ hội cầu an tại đình An Hải. Lễ hội là sự kiện mang ý nghĩa tinh thần đối với không chỉ người dân An Hải Xã xưa kia và An Hải ngày nay mà ở đó còn thể hiện nét đẹp văn hóa của nhà - làng - nước, sự kết chặt người dân trong làng với nhau trong tinh thần tương thân tương ái.

+ *Lễ hội đình làng Hải Châu*



Đình làng Hải Châu. Ảnh chụp năm 1952 (Ảnh tư liệu)

Cùng với lễ hội đình làng An Hải là lễ hội đình làng Hải Châu. Đình làng Hải Châu thuộc phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đình tọa lạc trong khuôn viên rộng 3.500m². Quần thể di tích gồm các thiết chế văn hóa: Nhà thờ Tiên hiền, Nhà thờ các chư phái tộc và Miếu Bà. Đình thành lập sau khi cư dân đến nơi đây, chọn làm nơi sinh sống ổn định, tổ chức chính quyền quy cũ. Hằng năm vào ngày mồng mười tháng ba âm lịch, người dân Hải Châu Ngũ Xã xưa và nay tổ chức lễ hội đình làng. Cũng như các đình làng miền biển Đà Nẵng, do đất nước chưa có hòa bình nên trước năm 1975, các đình làng từ trung du, đồng bằng,

miền biển đều không tổ chức được. Năm 2009, đình làng Hải Châu tiếp tục tổ chức lễ hội của làng mình.



đình làng Phước Ninh- ngobadung sưu tầm

Đình làng Phước Ninh xưa (ngobadung sưu tầm)
